

Bản án số: 20/2025/DS-PT

Ngày: 13/01/2025

V/v: *Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Anh

Ông Cao Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký

Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Bách
Thiện Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10, 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 538/2024/TLPT-DS ngày 12/12/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 586/2024/QĐ-PT ngày 24/12/2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Thị D; sinh năm: 1963; địa chỉ: Số nhà 364, đường Quảng Oai (thôn Hưng Đạo), thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội: có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình Phương D; sinh năm: 1986; địa chỉ: Xóm Trại, thôn Vĩnh Phệ, xã Chu Minh, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Đình Năm; sinh năm: 1960; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Phương Oanh; sinh năm: 1963: có mặt tại phiên tòa.

3.3. Chị Ngô Thị Vân; sinh năm: 1986; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Anh Trần Đình Huy Du; sinh năm: 1982; có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Xóm Trại, thôn Vĩnh Phệ, xã Chu Minh, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội

3. Người kháng cáo, kháng nghị: Do có kháng cáo của anh Trần Đình Phương D là bị đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đình Năm, bà Nguyễn Thị Phương Oanh, chị Ngô Thị Vân kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phùng Thị D trình bày:* Tôi có biết anh Trần Đình Phương D vì anh Duy là người cùng làng quê gốc của tôi ở xã Chu Minh. Ngày 12/8/2015, anh Duy bán cho tôi xe ô tô BKS 29A- 969.25 với giá 500.000.000đ. Hai bên có ký nhận giấy bán xe do anh Duy viết. Tôi đã nhận xe và giấy tờ đăng ký xe. Sau đó anh Duy đặt vấn đề thuê lại xe để sử dụng và tôi đồng ý, hai bên thỏa thuận giá thuê xe là 13.000.000đ/tháng. Việc thỏa thuận thuê xe bằng lời nói, không lập văn bản giấy tờ gì. Anh Duy trả tiền thuê xe từ tháng 8/2015 đến hết tháng 4/2016 thì không trả tiền thuê xe nữa. Tôi đi tìm anh Duy đòi xe thì ngày 09/5/2016, anh Duy hẹn tôi hai tháng sau tức ngày 09/7/2016 sẽ trả lại xe, nếu không trả xe thì hoàn trả tiền giá trị xe là 500.000.000đ. Ngoài ra, anh Duy còn trao đổi lời nói với tôi việc con tôi là Nguyễn Đức Tùng vay số tiền 400 triệu đồng, đề nghị tôi đối trừ nợ cho con tôi. Sau đó anh Duy không trả lại xe ô tô cho tôi theo thỏa thuận 2 tháng mà bỏ trốn khỏi địa phương tôi không liên lạc được.

Ngoài ra, anh Duy còn nhiều lần vay tiền của tôi để làm ăn kinh doanh xưởng may, hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 2%/tháng, mỗi lần anh Duy nhận tiền vay đều viết và ký giấy vay tiền, nhưng trên giấy không thể hiện thông tin lãi suất cho vay. Các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 26/10/2015, tôi cho anh Duy vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 4 tháng từ ngày 26/10/2015 đến 26/01/2016.

- Ngày 13/12/2015, tôi cho anh Duy vay hai lần tiền, lần 1 số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay hai tháng từ 13/12/2015 đến ngày 13/02/2016, lần 2 số tiền 40.000.000đ thời hạn vay 01 tháng đến ngày 13/01/2016

- Ngày 21/12/2015, tôi cho anh Duy vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay 2 tháng từ 21/12/2015 đến ngày 21/02/2016

- Ngày 26/12/2015 tôi cho anh Duy vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay hai tháng từ ngày 26/12/2015 đến 26/02/2016

- Ngày 20/01/2016, tôi cho anh Duy vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 4 tháng từ ngày 20/01/2016 đến 20/5/2016

- Ngày 06/02/2016 tôi cho anh Duy vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 3 tháng từ 06/02/2016 đến 06/5/2016.

Tổng số tiền mặt cho anh Duy vay là 1.490.000.000đ. Trong các giấy vay tiền, có giấy anh Duy trả tiền lãi theo tháng, khi trả lãi hai bên không lập giấy tờ gì, có giấy anh Duy không lãi mà khất nợ khi nào trả tiền gốc thì trả tiền lãi một thể. Khi đến hạn trả nợ gốc với mỗi giấy vay tôi đều hỏi tiền gốc

nhưng anh Duy trình bày lý do cần tiền nhập từng đơn hàng xưởng may nên chưa trả được, hẹn khi xuất hàng thì trả tiền một thể.

Ngày 04/3/2016, bà Oanh là mẹ đẻ anh Duy trả cho tôi số tiền 150.000.000đ. Tôi viết giấy nhận tiền với bà Oanh.

Ngày 07/3/2016, bà Oanh là mẹ đẻ anh Duy tiếp tục trả cho tôi số tiền 50.000.000đ Tôi viết giấy nhận tiền với bà Oanh.

Ngày 18/3/2016, bà Oanh mẹ đẻ anh Duy trả cho tôi số tiền 100.000.000đ. Tôi viết giấy nhận tiền với bà Oanh.

Tổng số tiền cho vay tôi đã nhận được bà Oanh mẹ đẻ anh Duy thanh toán là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tôi trừ vào tiền vay gốc. Tiền vay gốc anh Duy còn nợ lại là 1.190.000.000đ.

Từ giữa năm 2016, tôi không liên lạc được với anh Duy nên đã làm đơn tố giác tội phạm đến Công an huyện Ba Vì, nội dung tố giác 800 triệu tiền vay (do tôi đối trừ 390.000.000 đồng cho khoản vay của con tôi với anh Duy như anh Duy nói ngày 09/5/2016) và xe ô tô 500.000.000đ. Cơ quan công an đã thụ lý đơn nhưng không giải quyết được do anh Duy bỏ trốn.

Ngày 18/4/2018, anh Duy cùng anh trai là Trần Đình Huy Du đến nhà tôi, hai bên có lập biên bản làm việc do tôi viết, nội dung xác định anh Duy còn nợ tôi giá trị xe ô tô là 500.000.000đ và tiền vay 800.000.000đ. Thực tế vào thời điểm ngày 18/4/2018, anh Duy vẫn nợ tiền vay 1.190.000.000đ nhưng tôi viết tiền vay 800.000.000đ tiền mặt theo nội dung tôi đã trình báo tại Cơ quan Công an. Cùng trong ngày 18/4/2018, anh Duy trả cho tôi số tiền mặt 200.000.000đ. Tuy nhiên trong nội dung biên bản làm việc tôi viết anh Duy cùng anh trai là Du thanh toán 700.000.000đ còn nợ lại 600.000.000đ là vì khi đó tôi đang cần tiền để điều trị bệnh (tôi nộp các tài liệu bệnh viện vào thời điểm đó của tôi chứng minh), anh Duy nói nếu không ghi là nhận 700.000.000đ thì anh Duy cũng không giao 200.000.000đ, như vậy tôi sẽ không có tiền chữa bệnh nên tôi đã viết “Hôm nay Duy cùng anh trai là Du đã thanh toán, khắc phục bằng 700.000.000đ còn lại 600.000.000đ”, thực tế tiền vay, tiền giá trị xe mà không đối trừ tiền vay của con tôi theo lời anh Duy nói thì anh Duy còn nợ tôi tổng số tiền 1.490.000.000đ. Hai bên không có giấy tờ đối chiếu.

Ngày 30/5/2018, tôi ký nhận anh Duy trả cho tôi số tiền 50.000.000đ; Ngày 27/6/2018, tôi ký nhận anh Duy trả cho tôi số tiền 30.000.000đ nhưng thực tế thì anh Duy chỉ trả cho tôi được số tiền 40.000.000đ tiền mặt. Số tiền 40.000.000đ còn lại anh Duy không trả được nhưng nhờ tôi viết biên nhận 2 lần đủ 80.000.000đ để về trình bày với mẹ. Số tiền 40 triệu không trả đủ anh Duy viết giấy vay tiền đề ngày 27/6/2018 hẹn trả nợ vào ngày 02/7/2018.

Từ ngày 27/6/2018 đến nay, anh Duy không trả thêm cho tôi được khoản tiền nào. Tôi có đến nhà anh Duy đòi tiền nhiều lần nhưng anh Duy đều nói không có. Nay tôi thấy quyền lợi bị xâm phạm nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Duy trả cho tôi số tiền còn nợ là 1.450.000.000đ cùng tiền lãi phát sinh Từ ngày 19/3/2016 đến ngày 18/4/2018 đối với số tiền gốc 1.190.000.000đ, lãi suất 2%/tháng x 25 tháng = 595.000.000đ.

Từ ngày 19/4/2018 đến nay đối với số nợ gốc 950.000.000đ, lãi suất 2%/tháng

Từ ngày 09/5/2016 đến nay đối với số nợ gốc (giá trị xe ô tô biển số 29A-969.25) , lãi suất 2%/tháng.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn Trần Đình Phương D trình bày:* Tôi xác nhận tôi có quan hệ quen biết bà Phùng Thị D vì là người gốc Chu Minh như bà Dân trình bày là đúng, trong năm 2015, tôi có nhiều lần vay tiền bà Dân, các lần vay và số tiền vay tiền trả tôi đều không nhớ. Ngày 12/8/2015, tôi và bà Dân có thỏa thuận tôi viết giấy bán xe ô tô biển kiểm soát 29A- 969.25 thuộc sở hữu của tôi với giá trị 500.000.000đ cho bà Phùng Thị D, mục đích viết giấy bán xe để bà Dân có niềm tin cho tôi vay tiền. Sau đó tôi nhiều lần vay tiền của bà Dân, mỗi lần vay tôi đều ký nhận, hai bên có thỏa thuận bằng lời nói tiền lãi cho vay theo ngày với mức 5.000đ/1 triệu tiền vay/1 ngày vay. Tôi được xem các giấy tờ Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kiêm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 26/10/2015; Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kiêm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 13/12/2015 (số tiền 350.000.000đ); Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kiêm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 13/12/2015 (số tiền 40.000.000đ); Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kiêm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 21/12/2015 (Số tiền 300.000.000đ); Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kiêm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 26/12/2015 (số tiền 200.000.000đ); Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kiêm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 20/01/2016 (số tiền 200.000.000đ); Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kiêm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 06/02/2016 (số tiền 200.000.000đ); Giấy vay tiền đề ngày 27/6/2018; Giấy bán xe đề ngày 12/8/2015; Giấy cam kết đề ngày 09/5/2016; Chữ ký viết tên Trần Đình Phương D trong biên bản làm việc ngày 18/4/2018 do bà Dân cung cấp khi khởi kiện, tôi xác định chữ ký, chữ viết người vay là chữ ký, chữ viết của tôi. Do tôi không có khả năng trả nợ tiền vay từ giữa năm 2016 đến đầu năm 2018 tôi đi làm xa nhà, không có mặt ở địa phương nên gia đình tôi nhiều người thay tôi trả tiền cho bà Dân. Ngày 18/4/2018, tôi cùng anh trai tôi đến nhà bà Dân để trả tiền và thống nhất nợ với nhau trên cơ sở giấy tờ hai bên đưa ra vào thời điểm đó. Tôi trả thêm cho bà Dân số tiền 700.000.000đ và bà Dân tự tay viết và ký nhận biên bản làm việc ngày 18/4/2018 và được hai bên cùng ký xác nhận. Theo nội dung biên bản làm việc ngày 18/4/2018 tôi còn nợ bà Dân là 600.000.000đ. Sau đó tôi trả thêm cho bà Dân được số tiền 50.000.000đ vào ngày 30/5/2018 và 30.000.000đ vào ngày 27/6/2018. Cùng ngày 27/6/2018, tôi vay lại bà Dân số tiền 40.000.000đ trong thời hạn vài ngày, hẹn đến 02/7/2018 sẽ trả 40.000.000đ. Tổng số tiền tôi nợ bà Dân tính đến ngày 02/7/2018 là 560.000.000đ. Trong khoảng từ ngày 20/7/2018 đến 30/7/2018, tôi có đến nhà bà Dân trả số tiền 50.000.000đ nhưng bà Dân không nhận mà đòi tôi phải trả hết số tiền còn nợ làm 1 lần. Số nợ mỗi lần bà Dân đòi lại khác nhau, do vậy hai bên không có thỏa thuận trả nợ, khát nợ gì thêm. Nay bà Dân khởi kiện đòi tôi số tiền vay gốc trong đó có cả tiền giá trị xe ô tô, tổng là 1.450.000.000đ tôi không nhất trí trả vì không đúng thực tế thỏa thuận và chốt nợ hai bên vào ngày 18/4/2018. Tôi chỉ đồng ý trả bà Dân số tiền tôi còn nợ là 560.000.000đ. Tôi cũng không nhất trí tiền lãi theo yêu cầu của bà Dân, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện bác bỏ yêu cầu tiền lãi của bà Dân.

** Tại bản tự khai ngày 26/6/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương Oanh, ông Trần Đình Năm trình bày:* Ông bà là

bố mẹ đẻ của Trần Đình Phương D. Trần Đình Phương D được bố mẹ cho ở riêng từ khi lấy vợ năm 2008 đến nay, vì vậy việc làm ăn của Duy, ông bà không can thiệp. Năm 2016, Duy có mượn đất vườn của bố mẹ để đầu tư làm xưởng may công nghiệp nhưng khi xưởng may đi vào hoạt động chưa lâu thì phải đóng cửa vì không có đầu ra và không lấy được công nhân. Sau đó ông bà có nghe nói bà Phùng Thị D đòi nợ Duy tiền vay làm xưởng may. Ông bà hỏi Duy, thì Duy có công nhận là có vay của bà Dần để đầu tư, còn nội dung vay như thế nào thì ông bà đều không biết. Với vai trò làm cha mẹ, ông bà có hỗ trợ nhắc nhở Duy trả nợ cho bà Dần. Ông bà đã cho Duy ở riêng, tự lập nên việc Duy vay nợ thì Duy tự trả, ông bà không có nghĩa vụ phải trả nợ cho Duy. Ông bà không đồng ý tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

** Tại bản tự khai ngày 26/6/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Vân trình bày:* Tôi là vợ của anh Trần Đình Phương D, tôi có biết đầu năm 2016 anh Duy có mở xưởng may nhưng hai vợ chồng không làm cùng vì tôi là giáo viên mầm non đi suốt ngày. Anh Duy mở xưởng may, đầu tư làm xưởng, máy móc xây dựng nhờ trên đất vườn của bố mẹ chồng tôi nhưng đầu tư chưa được bao lâu thì bị thua lỗ phá sản do không có công nhân. Việc mở xưởng may có thu nhập được hay không tôi cũng không biết. Vì anh Duy phải trả nợ tiền đầu tư nên cũng không đưa tiền cho tôi nuôi con. Tôi có nghe nói việc anh Duy vay tiền của bà Dần để làm xưởng may nhưng tôi không cùng anh Duy vay tiền. Sau khi anh Duy thua lỗ, bà Dần đến đòi nợ thì tôi với tư cách làm vợ cũng có cố gắng cùng anh Duy trả nợ, còn tôi không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến việc anh Duy vay nợ bà Dần. Hiện tại tôi không có tài sản hay nghề phụ gì ngoài tiền lương giáo viên mầm non, tôi lại đang nuôi hai con nhỏ nên tôi không có khả năng giúp anh Duy trả nợ. Tôi không liên quan đến việc vay nợ nên không có nghĩa vụ phải trả nợ.

** Tại bản tự khai ngày 07/7/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình Huy trình bày:*

Tôi không tham gia vào bất cứ lần vay mượn nào giữa anh Duy và bà Dần, tôi không biết số tiền anh Duy vay của bà Dần là bao nhiêu, tôi chưa bao giờ hứa hẹn trả nợ hay nhận trả nợ giúp anh Duy. Lời khai của bà Phùng Thị D cáo buộc anh em tôi ép bà dần ghi biên bản ngày 18/4/2018 theo ý của anh em tôi là không đúng. Trong biên bản làm việc ngày 18/4/2018 tôi có mặt với tư cách là người làm chứng. Ngoài tôi ra thì gia đình bà Dần khi đó còn có con gái và con rể bà Dần cùng tham gia vào việc đếm tiền, lúc ký và điểm chỉ con gái bà Dần là người đi lấy mực để chúng tôi điểm chỉ, còn con rể bà Dần là người mang biên bản đi photo. Lúc đó bà Dần hoàn toàn bình thường và tất cả chúng tôi làm việc vui vẻ. Nó hoàn toàn trái ngược với cáo buộc của bà Dần là bà ở nhà một mình, trong trạng thái không tỉnh táo, ốm đau, mệt mỏi. Tôi khẳng định tôi không liên quan đến các khoản vay của anh Duy với bà Dần và tôi không đồng ý tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã quyết định:

* Buộc anh Trần Đình Phương D, chị Ngô Thị Vân, ông Trần Đình Năm, bà Nguyễn Thị Phương Oanh phải trả cho bà Phùng Thị D số tiền gốc 950.000.000đ; Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/6/2018 đến ngày xét xử 20/9/2024 là 599.819.444đ. Tổng tiền gốc, lãi anh Trần Đình Phương D, chị Ngô Thị Vân, ông Trần Đình Năm, bà Nguyễn Thị Phương Oanh phải trả cho bà Phùng Thị D là $950.000.000đ + 599.819.444đ = 1.549.819.444đ$ (Một tỷ, năm trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm mười chín ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bà Phùng Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ thì người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi tính trên số tiền gốc chưa thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị D về tranh chấp tài sản vay là giá trị xe ô tô Mazda 3S BKS 29A 969.25 trị giá 500.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

Không chấp nhận các yêu cầu về tính lãi khác của bà Phùng Thị D. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên mà bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, nếu có thỏa thuận về lãi chậm trả thì tính theo thỏa thuận đó nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm:

Ngày 03/10/2024, nguyên đơn bà Phùng Thị D làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử, xem xét sửa bản án sơ thẩm, tính lại số tiền gốc và số tiền lãi mà bị đơn đã vay bà Dân.

Ngày 03/10/2024, bị đơn anh Trần Đình Phương D kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại bản án, tuyên hủy bỏ hoặc sửa đổi một phần bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi của anh Duy.

Ngày 10/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đình Năm và bà Nguyễn Thị Phương Oanh kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và xử lại bản án, tuyên hủy bỏ phần quyết định liên quan đến quyền lợi của ông Năm và bà Oanh.

Ngày 10/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị Vân kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và xử lại bản án, tuyên hủy bỏ phần quyết định liên quan đến quyền lợi của chị Vân.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình chứng cứ mới.

Nguyên đơn bà Phùng Thị D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lại số tiền gốc và số tiền lãi mà anh Duy nợ bà cụ thể:

Hoàn trả cho bà giá trị chiếc xe ô tô các bên đã giao dịch mua bán với số tiền 500.000.000 đồng; tiền thuê lại xe ô tô là 54.000.000 đồng; số tiền gốc còn lại là 1.190.000.000 đồng; số tiền lãi là 625.399.000 đồng.

Bị đơn anh Trần Đình Phương D trình bày: Căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 18/4/2018, số tiền gốc anh còn nợ bà Dần là 560.000.000 đồng; anh Duy đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm tính lại số tiền gốc và lãi theo số tiền anh còn nợ bà Dần là 560.000.000 đồng; việc vay mượn tiền chỉ có anh với bà Dần nên bố mẹ đẻ anh là ông Trần Đình Năm, bà Nguyễn Thị Phương Oanh; vợ anh là chị Ngô Thị Vân không có liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Oanh trình bày: Bà và ông Năm chồng bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của hai người, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bà và ông Năm không liên quan đến số tiền nợ của anh Duy. Với trách nhiệm là bố mẹ của anh Duy, bà sẽ nhắc nhở anh Duy có trách nhiệm trả lại tiền vay cho bà Dần chứ bà và ông Năm không phải trả nợ thay cho anh Duy. Bà Oanh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm ở nội dung này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đình Huy Du trình bày: Anh không liên quan đến việc vay tiền của anh Duy với bà Dần. Anh chỉ là người đi cùng với anh Duy đến gặp bà Dần ngày 18/4/2018 và ký vào biên bản với tư cách người làm chứng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phùng Thị D khởi kiện yêu cầu anh Trần Đình Phương D phải có nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay là 1.490.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Trần Đình Phương D đang cư trú tại xóm Trại, thôn Vĩnh Phệ, xã Chu Minh, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác

định thẩm giải quyết tranh chấp trên thuộc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đình Năm, bà Nguyễn Thị Phương Oanh, chị Ngô Thị Vân có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các quy định tại Điều 227, Điều 228 xét xử vắng mặt những đương sự này là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đình Năm, chị Ngô Thị Vân có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Điều 227, Điều 228 xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phùng Thị D; bị đơn anh Trần Đình Phương D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình Năm, bà Nguyễn Thị Phương Oanh, chị Ngô Thị Vân nộp trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

[3]. Về nội dung:

3.1. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phùng Thị D:

* Nguyên đơn bà Phùng Thị D có yêu cầu khởi kiện đối với anh Trần Đình Phương D; yêu cầu anh Duy phải trả lại bà số tiền vay tổng cộng là 1.490.000.000 đồng và tiền lãi và số tiền 500.000.000 đồng trị giá chiếc xe ô tô Mazda 3S biển kiểm soát 29A 969.25. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với yêu cầu này của bà Dàn Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định:

“...1.Đối với khoản vay thứ nhất lời khai và yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản vay bằng tài sản giá trị xe ô tô Mazda 3S biển kiểm soát 29A 969.25 trị giá 500.000.000đ theo nội dung thỏa thuận của hai bên tại Giấy bán xe đề ngày 12/8/2015; Giấy cam kết đề ngày 09/5/2016. Nguyên đơn bà Phùng Thị D khẳng định có việc anh Trần Đình Phương D bán xe ô tô Mazda 3S biển kiểm soát 29A 969.25 trị giá 500.000.000đ của anh Duy cho bà Dàn, việc giao nhận tiền, giấy tờ xe đều thể hiện trên nội dung giấy bán xe do anh Duy viết và ký nhận. Sau đó anh Duy thuê lại xe để đi lại với giá thuê mỗi tháng là 13.000.000đ, đồng thời mượn lại giấy tờ gốc của xe để thuận tiện trong di chuyển. Việc cho thuê xe theo giấy cam kết anh Duy viết ngày 09/5/2016. Sau đó mẹ anh Duy đã bán xe cho người khác. Do vậy, anh Duy phải trả cho bà giá trị xe là 500.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 2%/tháng tính từ ngày anh Duy cam kết 09/5/2016 đến ngày 09/3/2024 là 94 tháng 10 ngày là 943.300.000đ. Bị đơn anh Trần Đình Phương D xác nhận có viết nội dung hai giấy tờ trên nhưng xuất phát từ nguyên nhân: Trước tháng 8/2015, anh Duy đã vay tiền của bà Dàn, để đảm bảo việc trả nợ, theo yêu cầu của bà Dàn anh đã viết Giấy bán xe đề ngày 12/8/2015 để làm tin về trách nhiệm trả nợ. Các khoản nợ trước khi viết giấy bán xe anh đã trả hết, nhưng do anh vẫn có nhu cầu vay tiền của bà Dàn nên vẫn giữ lại giấy bán xe để làm tin. Thực tế, không có việc anh bán xe và nhận số tiền 500.000.000đ giá trị xe do bà Dàn giao cho. Do không có việc mua bán nên không bên nào thực hiện quyền, nghĩa vụ đi đăng ký lại quyền sở hữu trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau đó anh Duy đã bán xe cho người khác, việc bán xe của anh được thực hiện đúng trình tự pháp luật. Tại biên bản làm việc ngày 18/4/2018, liên quan đến các khoản vay tiền mặt, mặc dù anh Duy trả cho bà Dàn số tiền 200.000.000đ nhưng bà Dàn viết nhận

là 700.000.000đ và viết các nội dung liên quan đến xe ô tô là 500.000.000đ. Bà Dân lý giải với anh bà viết 700.000.000đ là để khớp với lời khai yêu cầu của bà Dân tại cơ quan công an. Biên bản làm việc do bà Dân tự tay viết tại nhà bà Dân, đây là cơ sở để khẳng định không có việc anh nhận giá trị xe ô tô 500.000.000đ của bà Dân nên không chấp nhận trả bà Dân giá trị xe 500.000.000đ và tiền lãi theo yêu cầu của bà Dân.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai của các bên đương sự về giao dịch bán xe ô tô Mazda 3S BKS 29A 969.25 có nội dung khác nhau. Bà Phùng Thị D khẳng định có việc mua bán xe và bà đã trả cho anh Trần Đình Phương D số tiền là 500.000.000đ. Anh Duy xác nhận nội dung giấy bán xe anh viết ngày 12/8/2015 chỉ là biện pháp đảm bảo cho việc anh vay tiền của bà Phùng Thị D. Xét lời khai của bà Dân, anh Duy có trong hồ sơ vụ án, tại bút lục số 54 khi vụ việc giải quyết tại Cơ quan Công an huyện Ba Vì, bà Dân thừa nhận trước khi anh Duy viết giấy bán xe cho bà vào tháng 8/2015 thì bà Dân đã cho anh Duy vay tiền, các lần vay trước đó anh Duy đã trả đầy đủ gốc lãi. Xét nội dung giấy bán xe ngày 12/8/2015 thể hiện người bán là Trần Đình Phương D, bán tài sản mua bán là xe ô tô Mazda 3S BKS 29A 969.25 do Duy đứng tên đăng ký cho bà Phùng Thị D với giá là 500.000.000đ. Giấy cam kết ngày 09/5/2016 do Duy viết khẳng định nếu không trả lại xe thì hoàn trả cho bà Dân số tiền 500.000.000đ. Cả hai tài liệu trên không đủ cơ sở để khẳng định giữa anh Trần Đình Phương D và bà Phùng Thị D có giao dịch mua bán xe ô tô theo quy định tại các Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 410, Điều 428, Điều 429 BLDS năm 2005. Ngày 28/7/2016, bà Phùng Thị D có đơn đề nghị Công an huyện Ba Vì khởi tố vụ án đối với anh Trần Đình Phương D về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” liên quan đến xe ô tô Mazda 3S BKS 29A 969.25. Ngày 18/4/2018 giữa bà Dân, anh Duy có biên bản làm việc do bà Dân viết tay, nội dung có thỏa thuận liên quan đến số tiền giá trị xe ô tô là 500.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà Dân nộp tài liệu để chứng minh ngày 18/4/2018 anh Duy chỉ trả bà Dân số tiền mặt 200.000.000đ nhưng ép buộc bà trong hoàn cảnh bí bách phải ghi nhận là 700.000.000đ, do bà cần tiền đi chữa bệnh nên buộc phải ghi nhận 700.000.000đ để lấy được số tiền bà cần là 200.000.000đ. Tại phiên tòa anh Duy xác nhận ngày 18/4/2018 anh trả cho bà Dân số tiền vay 200.000.000 đồng nhưng theo thỏa thuận vì không có việc mua bán xe, để khớp giấy tờ mà bà Dân đã nộp ở cơ quan công an nên bà Dân tự tay ghi nhận số tiền 700.000.000đ để xóa đi số tiền 500.000.000đ giá trị xe. Ngày 29/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Ba Vì ra Quyết định số 70 không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác của bà Phùng Thị D tố giác anh Trần Đình Phương D có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Sau đó, bà Dân đã thực hiện quyền khiếu nại đối với Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Đến nay các cơ quan có thẩm quyền các cấp đã giải quyết khiếu nại, kiến nghị của bà Dân và Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 70 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Vì đã có hiệu lực pháp luật; Bà Dân cũng có lời khai đề nghị xem xét việc bà bị anh Trần Đình Phương D ép viết biên bản làm việc ngày 18/4/2018 và có hành vi đe dọa bà Dân. Nội dung này cũng được Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì giải quyết tại Quyết định số 01/QĐ-VKS ngày 21/01/2019 xác định không có việc Duy

lừa ép bà Dân viết giấy ngày 18/4/2018. Tại phiên tòa bà Phùng Thị D có giao nộp 02 bản thảo viết tay, theo bà Dân là chữ viết của Duy, Du viết sẵn và buộc bà phải viết theo. Anh Duy, anh Du thừa nhận đây là hai bản thảo hai anh viết tại nhà bà Dân ngày 18/4/2018, bản thảo này ghi ra trên cơ sở hai bên thảo luận để định hình các nội dung. Xét 02 bản viết tay không có nội dung chi tiết như biên bản làm việc ngày 18/4/2018 mà hai bên đã ký kết nên không có cơ sở để khẳng định bà Dân bị ép buộc phải viết biên bản như bà Dân trình bày. Lời khai của bị đơn Trần Đình Phương D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Đình Huy Du là có căn cứ nên được chấp nhận. HĐXX xác định: Giấy bán xe ngày 12/8/2015 và giấy cam kết ngày 09/5/2016 không làm phát sinh nghĩa vụ của anh Trần Đình Phương D phải trả bà Phùng Thị D giá trị xe ô tô Mazda 3S BKS 29A 969.25 là 500.000.000đ, do vậy yêu cầu của bà Dân đối với tiền lãi phát sinh từ giá trị xe ô tô tính từ ngày 09/5/2016 đến ngày 09/3/2024 cũng không được chấp nhận.

2. Đối với yêu cầu của bà Phùng Thị D về khoản vay thứ 2 là tiền mặt tổng số tiền gốc là 1.490.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Anh Duy đã trả 540.000.000đ. Còn nợ là 950.000.000đ. Các lần vay tiền và trả nợ cụ thể:

- + Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kèm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 26/10/2015, số tiền 200.000.000đ; Thời hạn vay từ ngày 26/10/2015 đến 26/01/2016; Nội dung hợp đồng không thể hiện lãi suất cho vay.

- + Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kèm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 13/12/2015, số tiền 350.000.000đ; Thời hạn vay từ ngày 13/12/2015 đến 13/02/2016; Nội dung hợp đồng không thể hiện lãi suất cho vay.

- + Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kèm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 13/12/2015, số tiền 40.000.000đ. Thời hạn vay từ ngày 13/12/2015 đến 13/01/2016; Nội dung hợp đồng không thể hiện lãi suất cho vay.

- + Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kèm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 21/12/2015. số tiền 300.000.000đ; Thời hạn vay từ ngày 21/12/2015 đến 21/02/2016; Nội dung hợp đồng không thể hiện lãi suất cho vay.

- + Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kèm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 26/12/2015, số tiền 200.000.000đ; Thời hạn vay từ ngày 26/12/2015 đến 26/02/2016; Nội dung hợp đồng không thể hiện lãi suất cho vay.

- + Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kèm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 20/01/2016, số tiền 200.000.000đ. Thời hạn vay từ ngày 20/01/2016 đến 20/5/2016; Nội dung hợp đồng không thể hiện lãi suất cho vay.

- + Hợp đồng thỏa thuận cầm đồ kèm giấy biên nhận vay tiền đề ngày 06/02/2016, số tiền 200.000.000đ; Thời hạn vay từ ngày 06/2/2016 đến ngày 06/5/2016; Mục đích vay kinh doanh xưởng may. Nội dung hợp đồng không thể hiện lãi suất cho vay.

Các lần trả nợ: Ngày 04/3/2016, bà Oanh là mẹ đẻ anh Duy trả số tiền 150.000.000đ. Ngày 07/3/2016, bà Oanh là mẹ đẻ anh Duy tiếp tục trả số tiền 50.000.000đ; Ngày 18/3/2016, bà Oanh mẹ đẻ anh Duy trả số tiền 100.000.000đ; Ngày 18/4/2016, anh Duy trả 200.000.000đ; Bà Dân trình bày vào các ngày ngày 30/5/2018 bà Dân ký số tiền 50.000.000đ và ngày 27/6/2018, ký nhận anh Duy trả số tiền 30.000.000đ nhưng thực tế thì anh Duy

chỉ trả cho bà được số tiền 40.000.000đ tiền mặt. Số tiền 40.000.000đ còn lại anh Duy không trả được nhưng nhờ bà viết biên nhận 2 lần đủ 80.000.000đ để về trình bày với bà Oanh. Số tiền 40.000.000đ không trả đủ anh Duy viết giấy vay tiền đề ngày 27/6/2018 hẹn trả nợ vào ngày 02/7/2018. Anh Duy thừa nhận nội dung này là đúng.

Về tiền vay gốc: Tài liệu chứng cứ bà Phùng Thị D cung cấp và lời khai anh Trần Đình Phương D thừa nhận chữ viết, chữ ký trên 07 Hợp đồng vay tiền. HĐXX có căn cứ để khẳng định, trong thời gian từ tháng 10/2015 đến ngày 06/02/2016, anh Trần Đình Phương D có vay của bà Phùng Thị D 7 lần với tổng số tiền 1.490.000.000đ là có thực. Đến nay các bên đương sự có tranh chấp về tiền vay gốc chưa trả. Bà Dân yêu cầu anh Duy phải trả tiền gốc còn là 950.000.000đ nhưng anh Duy không nhất trí vì trong số tiền vay gốc 1.490.000.000đ có khoản tiền anh Duy đã trả. Anh Duy chỉ chấp nhận tiền gốc căn cứ trên biên bản làm việc hai bên đã thống nhất ngày 18/4/2018 và giải quyết theo các sự kiện hai bên giao dịch sau ngày 18/4/2018. Nhưng tại phiên toà bà Dân và anh Duy đều thừa nhận đã trả được số tiền gốc là 540.000.000đ và anh Duy, anh Du cũng thừa nhận ngày 18/4/2018 chỉ trả được số tiền gốc là 200.000.000đ cho bà Dân, do vậy biên bản xác lập các khoản nợ ngày 18/4/2018 là không có cơ sở. HĐXX xem xét các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Tổng số tiền anh Trần Đình Phương D vay tiền gốc của bà Phùng Thị D là 1.490.000.000đ, anh Duy đã trả số tiền gốc cho bà Dân là 540.000.000đ. Nay cần buộc anh Trần Đình Phương D phải có trách nhiệm trả cho bà Phùng Thị D số tiền gốc là 950.000.000đ.

Xét nội dung các hợp đồng vay tiền đều thể hiện là hợp đồng cho vay có thời hạn. Nội dung văn bản hợp đồng không thể hiện lãi suất nhưng cả hai bên đều thừa nhận là có thỏa thuận bằng lời về tiền lãi vay, bà Dân trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng; Anh Duy không đồng ý mức lãi bà Dân trình bày nhưng lãi suất cụ thể khi thỏa thuận thì anh Duy không nhớ. Như vậy giữa hai bên có tranh chấp lãi suất cho vay. Do vậy, HĐXX áp dụng các quy định của pháp luật tại khoản 2- Điều 468, Điều 688 BLDS 2015 để giải quyết tranh chấp.

Về yêu cầu tiền lãi: Bà Phùng Thị D và anh Trần Đình Phương D đều không nhớ đã trả bao nhiêu tiền lãi và cũng không có giấy tờ gì, theo bà Phùng Thị D cho rằng anh Trần Đình Phương D không trả lãi từ ngày 19/3/2016 cho đến nay, theo anh Trần Đình Phương D không nhớ đã trả lãi đến bao giờ. Theo tài liệu có trong hồ sơ ngày 27/6/2018 cuối anh Duy có trả cho bà Dân số tiền 40.000.000đ tiền gốc, từ ngày đó không trả được tiền gốc và lãi. Do vậy, HĐXX tính tiền lãi từ ngày 28/6/2018 đến ngày xét xử 20/9/2024 đối với số tiền gốc 950.000.000đ chưa trả. Thời gian là 6 năm 3 tháng 23 ngày. Lãi suất 10%/ năm. Tiền lãi là 599.819.444đ. Tổng tiền gốc, lãi là 950.000.000đ + 599.819.444đ = 1.549.819.444đ.

Các yêu cầu tính lãi khác của bà Phùng Thị D không có căn cứ chấp nhận...” để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị D là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn kháng cáo không xuất trình được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Dân.

* Đối với yêu cầu kháng cáo về việc tính số tiền cho thuê ô tô của bà Dân Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của bà Dân nên không có căn cứ để xem xét.

* Đối với yêu cầu của bà Phùng Thị D về việc buộc ông Trần Đình Năm, bà Nguyễn Thị Phương Oanh, chị Ngô Thị Vân phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng anh Duy; Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của bị đơn anh Duy thể hiện số tiền anh Duy vay của bà Dân thì chỉ có một khoản vay 200 triệu đồng ngày 06/02/2016 là vay vì mục đích kinh doanh xưởng may, còn lại các khoản vay khác là anh Duy tiêu dùng cá nhân. Chị Ngô Thị Vân hiện là vợ của anh Duy; theo như anh Duy trình bày hiện nay hai người vẫn chung sống với nhau và không có quyết định ly hôn của Tòa án. Trong các giấy thỏa thuận vay tiền không ghi cụ thể anh Duy vay tiền với tư cách cá nhân hơn nữa có khoản vay tiền anh Duy đầu tư để mở xưởng may cũng là lo cho kinh tế của gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Ngô Thị Vân phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Trần Đình Phương D trả nợ cho bà Phùng Thị D theo quy định tại Điều 103, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Đối với ông Trần Đình Năm và bà Nguyễn Thị Phương Oanh là bố mẹ đẻ của anh Duy, xét thấy anh Duy hiện đã 39 tuổi không phải là người có nhược điểm về thể chất, tinh thần. Bản thân anh Duy đã lập gia đình và có vợ con không chung hộ khẩu với ông Năm, bà Oanh. Hơn nữa việc vay tiền giữa anh Duy và bà Dân thì ông Năm, bà Oanh không ký vào giấy vay tiền cũng như không sử dụng số tiền này nên Hội đồng xét xử xác định ông Trần Đình Năm, bà Nguyễn Thị Phương Oanh không phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Trần Đình Phương D trả nợ cho bà Phùng Thị D. Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm ở nội dung này.

3.2. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Đình Phương D.

Như đã phân tích ở trên; Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Duy.

3.3. Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đình Năm, bà Nguyễn Thị Phương Oanh, chị Ngô Thị Vân.

Như đã phân tích ở trên; Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Năm, bà Oanh; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Vân.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm như đã phân tích ở trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phùng Thị D hiện 61 tuổi nên áp dụng Điều 4 Luật người cao tuổi, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với các yêu cầu không được chấp nhận của bà Phùng Thị D. Anh Trần Đình Phương D, chị Ngô Thị Vân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 103, 228, 275, 422, 463, 465, 466, 468; 357 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị D.

1.2. Buộc anh Trần Đình Phương D, chị Ngô Thị Vân phải trả cho bà Phùng Thị D số tiền gốc 950.000.000 đồng; Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/6/2018 đến ngày xét xử 20/9/2024 là 599.819.444 đồng. Tổng số tiền gốc, lãi anh Trần Đình Phương D, chị Ngô Thị Vân phải trả cho bà Phùng Thị D là $950.000.000đ + 599.819.444đ = 1.549.819.444đ$ (Một tỷ, năm trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm mười chín ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bà Phùng Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ thì người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi tính trên số tiền gốc chưa thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị D đối với tranh chấp tài sản vay là giá trị xe ô tô Mazda 3S BKS 29A 969.25 trị giá 500.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

1.4. Không chấp nhận các yêu cầu về tính lãi khác của bà Phùng Thị D.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phùng Thị D đối với các yêu cầu không được chấp nhận.

Anh Trần Đình Phương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.247.000 đồng. Chị Ngô Thị Vân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.247.000 đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Duy đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0014339 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay chuyển thành án phí. Anh Duy còn phải tiếp tục nộp số tiền 28.947.000 đồng án phí.

Chị Vân đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0014355 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay chuyển thành án phí. Chị Vân còn phải tiếp tục nộp số tiền 28.947.000 đồng án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Như Lâm